TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: **01**/2026/KDTM-PT
Ngày: 12 - 01 - 2026
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Duy Phương

Các Thẩm phán: Bà Lưu Thị Thu Hường, bà Đinh Thị Tuyết.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Hạnh – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 12/2025/TLPT-KDTM ngày 06 tháng 10 năm 2025 về việc: *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"*. Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 13/2025/KDTM-ST ngày 05/6/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hoà, tỉnh Phú Yên (nay là Toà án nhân dân khu vực 11 – Đắk Lắk) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 419/2025/QĐ-PT ngày 19/11/2025, Quyết định hoãn phiên toà số: 13/QĐ-PT ngày 17/12/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V (V1); Địa chỉ trụ sở: H L, phường L, Quận Đ, Thành phố Hà Nội (nay là phường Đ, Thành phố Hà Nội). Địa chỉ liên hệ: Tầng A, Tòa nhà A, số I C, phường D, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường B, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Đỗ Thành T, chức vụ: Phó Giám đốc Trung tâm thu hồi nợ khách hàng doanh nghiệp và xử lý nợ pháp lý.

Người đại diện theo uỷ quyền lại: Ông Phạm Hải M, chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ. Địa chỉ: Tầng A số C N, phường B, tỉnh Đắk Lắk *(Có mặt).*

- Bị đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn H3; Địa chỉ: C T, phường C, thành phố T, tỉnh Phú Yên (nay là phường T, tỉnh Đắk Lắk).

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn H, chức vụ: Giám đốc – *Vắng mặt.*

Người đại diện theo uỷ quyền:

1. Ông Tô Tiến D1, sinh năm 1975; Địa chỉ: E M, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (nay là phường B, tỉnh Đắk Lắk) – *Có đơn xin vắng mặt.*

2. Ông Nguyễn Tứ Q, sinh năm 1977; Địa chỉ: Tổ dân phố D, phường B, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk (nay là phường C, tỉnh Đắk Lắk) – *Có đơn xin vắng mặt.*

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1978; Địa chỉ: C T, phường C, thành phố T, tỉnh Phú Yên (nay là phường T, tỉnh Đắk Lắk) – *Vắng mặt.*

2. Bà Trương Thị L, sinh năm 1976; Địa chỉ: 2 L, phường E, thành phố T, tỉnh Phú Yên (nay là phường T, tỉnh Đắk Lắk) – *Vắng mặt.*

Người đại diện theo uỷ quyền:

1. Ông Tô Tiến D1, sinh năm 1975; Địa chỉ: E M, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (nay là phường B, tỉnh Đắk Lắk) – *Có đơn xin vắng mặt.*

2. Ông Nguyễn Tứ Q, sinh năm 1977; Địa chỉ: Tổ dân phố D, phường B, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk (nay là phường C, tỉnh Đắk Lắk) – *Có đơn xin vắng mặt.*

**** Người kháng cáo:*** Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn là ông Tô Tiến D1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn Ngân hàng TMCP V trình bày:***

Trên cơ sở Thoả thuận khung về cấp tín dụng số CLC-01718/3501383/TTK lập ngày 27/6/2023 giữa Công ty TNHH H3 (sau đây gọi tắt là Công ty H3) với Ngân hàng TMCP V chi nhánh P (sau đây gọi tắt là Ngân hàng), Công ty H3 vay vốn của Ngân hàng theo các Hợp đồng cho vay số CLC-11879-01 ngày 23/01/2024, số tiền hạn mức tối đa là 5.000.000.000 đồng, giải ngân nhiều lần, thời hạn vay 12 tháng và Hợp đồng cho vay số CLC-1718-01 ngày 27/6/2023, số tiền hạn mức tối đa là 3.000.000.000 đồng, giải ngân nhiều lần, thời hạn vay 12 tháng, cụ thể:

Đối với Hợp đồng cho vay số CLC-11879-01 ngày 23/01/2024 thì Công ty ký Khế ước nhận nợ số 2501224-3501383-ONL-11 ngày 25/01/2024 số tiền vay 370.500.000 đồng, thời hạn 6 tháng, ngày giải ngân 25/01/2024, hạn đến ngày 25/7/2024, lãi suất vay 9,9%/năm cố định trong 01 tháng sau đó điều chỉnh theo lãi suất bán vốn kỳ hạn 06 tháng, biên độ 3,8%; Khế ước nhận nợ số 010224-3501383-ONL-12, số tiền 1.092.352.500 đồng, thời hạn 6 tháng, ngày giải ngân 01/02/2024, hạn đến ngày 01/8/2024; lãi suất vay 9,7%/năm cố định trong 01 tháng sau đó điều chỉnh theo lãi suất bán vốn kỳ hạn 06 tháng, biên độ 3,8%; Mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh vận tải hàng hoá và đại lý hàng hoá.

Đối với Hợp đồng cho vay CLC-1718-01 ngày 27/6/2023 thì Công ty ký Khế ước nhận nợ số 120424-3501383-ONL-14, số tiền 450.000.000 đồng, lãi suất 12%/năm cố định, thời hạn 6 tháng, ngày giải ngân 12/4/2024, ngày đến hạn 12/10/2024; Khế ước nhận nợ số 150424-3501383-ONL-15 ký ngày 15/4/2024; số

tiền vay 310.000.000 đồng, lãi suất 12%/năm cố định, thời hạn vay 6 tháng, ngày giải ngân 15/4/2024, ngày đến hạn 15/10/2024; Khế ước nhận nợ số 220424-3501383-ONL-16 ký ngày 22/4/2024, số tiền vay 1.500.000.000 đồng, thời hạn vay 6 tháng, ngày giải ngân 23/4/2024, ngày đến hạn 23/10/2024, lãi suất 12,1%/năm cố định; Khế ước nhận nợ số 240424-3501383-ONL-17 ký ngày 24/4/2024; số tiền vay 740.000.000 đồng, lãi suất 12,1%/năm, thời hạn 6 tháng, ngày giải ngân 24/4/2024, ngày đến hạn 24/10/2024. Mục đích vay bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh vận tải hàng hoá đường bộ thông thường và buôn bán thực phẩm khác.

Để đảm bảo các khoản vay trên thì giữa Ngân hàng và Công ty đã thống nhất áp dụng các biện pháp bảo đảm sau:

- Thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 246, tờ bản đồ số 15, diện tích 53,85m^2, mục đích sử dụng đất ở đô thị, địa chỉ 2 L, phường E, thành phố T, tỉnh Phú Yên theo Giấy chứng nhận số CI118924 do Sở T1 cấp ngày 09/3/2018 cho ông Nguyễn Văn H và bà Trương Thị L. Hợp đồng thế chấp số CLC-11879-3501383-HDTC-02 ngày 30/01/2024. Bên thế chấp là ông Nguyễn Văn H và bà Trương Thị L, bảo đảm cho khoản vay của Công ty H3.

- Thế chấp tài sản là 01 xe ô tô con, nhãn hiệu Huyndai, biển số 78A-048.71, giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 012681 do Phòng CSGT Công an tỉnh cấp ngày 24/5/2018 thuộc sở hữu của Công ty TNHH H3. Hợp đồng thế chấp CLC-11879-3501383-HDTC-01 ngày 23/01/2024 giữa Ngân hàng và Công ty H3.

- Bảo lãnh của cá nhân ông Nguyễn Văn H theo Hợp đồng bảo lãnh số ELOS-3139/23/SME/BLCN-01 ngày 27/6/2023.

Trong quá trình thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng tín dụng tại Ngân hàng, Công ty H3 đã thanh toán được số tiền lãi 56.620.846 đồng, chưa thanh toán được khoản gốc nào. Do Công ty H3 không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán nợ theo Hợp đồng nên Ngân hàng đã nhiều lần liên hệ làm việc nhưng Công ty không hợp tác và cố tình kéo dài thời gian nhằm trốn tránh trách nhiệm trả nợ cho nên toàn bộ khoản vay đã bị chuyển sang nợ quá hạn từ ngày 11/6/2024.

Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Công ty H3 phải trả 01 lần cho Ngân hàng tổng số nợ gốc là 4.462.852.500 đồng và nợ lãi theo thoả thuận giữa các bên tại các Hợp đồng cho vay. Ngoài ra, Công ty H3 phải tiếp tục chịu lãi quá hạn theo các hợp đồng tín dụng đã ký nêu trên cho tới khi trả toàn bộ số nợ. Trường hợp Công ty H3 không thanh toán được các khoản nợ thì Ngân hàng yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Trường hợp xử lý tài sản thế chấp chưa thu hồi nợ xong thì yêu cầu ông Nguyễn Văn H thực hiện nghĩa vụ của bị đơn đã cam kết tại Hợp đồng bảo lãnh.

**** Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn Công ty TNHH H3 trình bày***:

Công ty H3 vay vốn của Ngân hàng TMCP V chi nhánh P theo các khoản vay cụ thể như đại diện nguyên đơn đã trình bày. Tổng số tiền gốc Công ty vay của Ngân hàng là 4.462.852.500 đồng, trong đó vay tín chấp là 3.000.000.000 đồng,

vay có thế chấp tài sản là 370.500.000 đồng (thế chấp tài sản là chiếc xe ô tô) và khoản vay 1.092.352.500 đồng (thế chấp tài sản là nhà và đất tại 2 L, Phường E).

Để đảm bảo các khoản vay trên thì giữa Ngân hàng, Công ty H3 và cá nhân ông Nguyễn Văn H, bà Trương Thị L có thoả thuận các phương thức đảm bảo khoản vay như sau: Cá nhân ông H bảo lãnh theo Hợp đồng bảo lãnh số ELOS-3139/23/SME/BLCN-01 ngày 27/6/2023. Ông Nguyễn Văn H và bà Trương Thị L ký Hợp đồng thế chấp số CLC-11879-3501383-HDTC-02 ngày 30/01/2024, tài sản thế chấp là nhà và đất tại địa chỉ 2 L, phường E, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Công ty H3 thế chấp là 01 xe ô tô con, nhãn hiệu Huyndai, biển số 78A-048.71 theo Hợp đồng thế chấp CLC-11879-3501383-HDTC-01 ngày 23/01/2024.

Về yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng đối với khoản nợ gốc là 4.462.852.500 đồng thì Công ty thừa nhận nợ, khoản lãi Ngân hàng tính theo thoả thuận giữa các bên, bị đơn đồng ý, không có ý kiến gì. Nay Ngân hàng yêu cầu Công ty H3 phải trả số tiền gốc và lãi thì Công ty đồng ý trả nợ. Trường hợp Công ty không trả được nợ thì chấp nhận để Ngân hàng xử lý các tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản đã ký kết giữa các bên.

**** Người đại diện theo uỷ quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn H và bà Trương Thị L trình bày:***

Ông H và bà L tự nguyện thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khắc gắn liền với đất số CI118924 do Sở T1 cấp ngày 09/3/2018 đối với thửa đất số 246, tờ bản đồ số 5, diện tích 53,85m^2 để đảm bảo cho khoản vay của Công ty H3 tại Ngân hàng TMCP V. Trường hợp Công ty H3 không thanh toán được nợ cho Ngân hàng thì ông H, bà L đồng ý để xử lý tài sản thế chấp này để thu hồi nợ. Không có ý kiến gì khác.

Cá nhân ông Nguyễn Văn H đồng ý bảo lãnh cho Công ty H3 đối với khoản nợ vay Ngân hàng. Trường hợp Công ty không trả nợ được thì cam kết trả nợ thay cho Công ty đối với số nợ của Công ty với Ngân hàng.

**** Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 13/2025/KDTM-ST ngày 05/6/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hoà, tỉnh Phú Yên (nay là Toà án nhân dân khu vực 11 – Đắk Lắk) đã quyết định:***

Áp dụng: Các Điều 100, 103 Luật các tổ chức tín dụng; Các điều 117, 118, 119, 292, 293, 295, 298, 317, 318, 319, 320, 322, 323, 335, 336, 339, 340, 342, Điều 463, 466 Bộ luật dân sự 2015; Điều 7, Điều 8, Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng TMCP V:

Buộc bị đơn Công ty TNHH H3 phải trả cho nguyên đơn số nợ tính đến ngày 05/6/2025 (ngày xét xử sơ thẩm) là 5.265.286.913 đồng, trong đó: nợ gốc là 4.462.852.500 đồng, nợ lãi là 798.682.022 đồng, phạt chậm trả là 3.752.390 đồng theo nội dung Thoả thuận khung tín dụng, các Hợp đồng cho vay và các khế ước nhận nợ hai bên đã ký kết.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong số tiền trên, Công ty TNHH H3 còn phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại các hợp đồng tín dụng.

Trường hợp Công ty TNHH H3 không trả được nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp tài sản CLC-11879-3501383-HDTC-01 ngày 23/01/2024 và Hợp đồng thế chấp số CLC-11879-3501383-HDTC-02 ngày 30/01/2024 cùng các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).

Trường hợp xử lý tài sản thế chấp nhưng không đủ để thanh toán nợ cho Ngân hàng V thì ông Nguyễn Văn H là người bảo lãnh phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng theo nội dung Hợp đồng bảo lãnh số ELOS-3139/23/SME/BLCN-01 ngày 27/6/2023 đã ký kết giữa các bên.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 24/6/2025, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Công ty TNHH H3 có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị xem xét lại nội dung tuyên buộc trường hợp xử lý tài sản thế chấp không đủ để thanh toán nợ cho Ngân hàng thì ông Nguyễn Văn H là người bảo lãnh phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng theo nội dung Hợp đồng bảo lãnh ngày 27/6/2023, đề nghị cấp phúc thẩm xét xử theo hướng chỉ tuyên buộc bên bảo lãnh phải chịu giá trị tài sản trong phạm vi đã ký kết của hai bên đồng thời chỉ xử lý các tài sản thế chấp cho nghĩa vụ vay, xem xét lại phần lãi suất mà bị đơn phải chịu.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm tại phiên tòa:***

- Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Cấp sơ thẩm xác định tranh chấp là *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"* là không đầy đủ, bởi lẽ tài liệu đương sự cung cấp thể hiện ngoài hợp đồng tín dụng thì các bên còn ký kết Hợp đồng thế chấp tài sản, Hợp đồng bảo lãnh và các bên tranh chấp về phạm vi bảo lãnh, vì vậy phải bổ sung về tranh chấp Hợp đồng bảo lãnh mới đầy đủ, đúng quy định pháp luật.

Quá trình giải quyết tại cấp phúc thẩm và tại phiên toà, đại diện nguyên đơn thừa nhận việc tính sai số tiền lãi và cung cấp Bảng tính lãi tính đến ngày 05/6/2025 (ngày xét xử sơ thẩm) tổng số tiền gốc và lãi là 5.228.136.890 đồng. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự: Không chấp nhận đơn kháng cáo của ông Tô Tiến D1 người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Công ty TNHH H3 về phần tuyên nghĩa vụ trả nợ của bên bảo lãnh; Chấp nhận một phần đơn kháng cáo, sửa một phần Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 13/2025/KDTM-ST ngày 05/6/2025 của TAND thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

(nay là Toà án nhân dân khu vực 11 – Đắk Lắk) về xác định tranh chấp và số tiền Công ty H3 phải trả là 5.228.136.890 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, quan điểm của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn nộp trong hạn luật định và đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm nên vụ án được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm là phù hợp.

[2] Về nội dung:

[2.1] Đối với các khoản nợ gốc:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án thể hiện: Vào ngày 27/6/2023 Ngân hàng TMCP V chi nhánh P với Công ty TNHH H3 ký bản Thoả thuận khung về cấp tín dụng số CLC-01718/3501383/TTK có nội dung hai bên cùng thoả thuận các điều kiện và điều khoản chung liên quan đến việc cấp và sử dụng các khoản tín dụng tại Ngân hàng, trên cơ sở đó hai bên ký kết các hợp đồng cho vay gồm:

- Hợp đồng cho vay số CLC-11879-01 ngày 23/01/2024 với các Khế ước nhận nợ số 2501224-3501383-ONL-11 ngày 25/01/2024, số tiền vay 370.500.000 đồng, thời hạn 6 tháng, ngày giải ngân 25/01/2024, hạn đến ngày 25/7/2024, lãi suất vay 9,9%/năm cố định trong 01 tháng sau đó điều chỉnh theo lãi suất bán vốn kỳ hạn 06 tháng, biên độ 3,8%; Khế ước nhận nợ số 010224-3501383-ONL-12, số tiền 1.092.352.500 đồng, thời hạn 6 tháng, ngày giải ngân 01/02/2024, hạn đến ngày 01/8/2024, lãi suất vay 9,7%/năm cố định trong 01 tháng sau đó điều chỉnh theo lãi suất bán vốn kỳ hạn 06 tháng, biên độ 3,8%.

- Hợp đồng cho vay CLC-1718-01 ngày 27/6/2023 với các Khế ước nhận nợ số 120424-3501383-ONL-14, số tiền 450.000.000 đồng, lãi suất 12%/năm cố định, thời hạn 6 tháng, ngày giải ngân 12/4/2024, ngày đến hạn 12/10/2024; Khế ước nhận nợ số 150424-3501383-ONL-15 ký ngày 15/4/2024, số tiền vay 310.000.000 đồng, lãi suất 12%/năm cố định, thời hạn vay 6 tháng, ngày giải ngân 15/4/2024, ngày đến hạn 15/10/2024; Khế ước nhận nợ số 220424-3501383-ONL-16 ký ngày 22/4/2024, số tiền vay 1.500.000.000 đồng, thời hạn vay 6 tháng, ngày giải ngân 23/4/2024, ngày đến hạn 23/10/2024, lãi suất 12,1% cố định; Khế ước nhận nợ số 240424-3501383-ONL-17 ký ngày 24/4/2024, số tiền vay 740.000.000 đồng, lãi suất 12,1%/năm, thời hạn 6 tháng, ngày giải ngân 24/4/2024, ngày đến hạn 24/10/2024.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, Công ty H3 mới thanh toán số tiền lãi 56.620.846 đồng, các khoản nợ gốc đều đã quá hạn nhưng Công ty chưa thanh toán được khoản nào là vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Tại cấp sơ thẩm, đại diện Công ty H3 cũng thừa nhận các khoản vay và đồng ý trả nợ theo số tiền gốc mà Ngân hàng khởi kiện. Do đó, Toà án cấp sơ thẩm buộc bị đơn phải trả cho Ngân hàng số tiền gốc

4.462.852.500 đồng là có căn cứ.

[2.2] Đối với khoản tiền lãi suất:

Theo Bảng kê tính lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm 05/6/2025 do Ngân hàng cung cấp (BL 220-225) thể hiện: khoản vay 370.500.000 đồng ngày 25/01/2024 tính lãi ban đầu 9,7%/năm nhưng tại Khế ước nhận nợ số 2501224-3501383-ONL-11 lãi suất vay là 9,9%/năm; khoản vay 1.092.352.500 đồng ngày 01/02/2024 tính lãi ban đầu 10%/năm nhưng tại Khế ước nhận nợ số 010224-3501383-ONL-12 lãi suất vay là 9,7%/năm, như vậy là có sai sót; đối với 04 khoản vay còn lại được tính lãi theo đúng các hợp đồng cho vay đã ký kết giữa hai bên. Toà án cấp sơ thẩm áp dụng lãi suất theo Bảng kê của Ngân hàng mà không kiểm tra lại là có phần chủ quan. Tại cấp phúc thẩm, đại diện của Ngân hàng cũng thừa nhận sai sót trên và điều chỉnh Bảng kê tính lãi của các khoản vay đến ngày 05/6/2024, theo đó tổng số tiền lãi là 765.284.390 đồng, trong đó lãi quá hạn 761.718.609 đồng, lãi chậm trả 3.565.781 đồng. Tổng cộng số tiền gốc, lãi mà bị đơn phải thanh toán là **5.228.136.890 đồng**. Do đó, cần chấp nhận nội dung kháng cáo của bị đơn, sửa một phần Bản án sơ thẩm về lãi suất, từ đó sửa nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi.

[2.3] Về các biện pháp bảo đảm:

Để đảm bảo cho các khoản vay trên thì Công ty TNHH H3 đã thế chấp tài sản 01 xe ô tô con, nhãn hiệu Huyndai, biển số 78A-048.71 theo Hợp đồng thế chấp CLC-11879-3501383-HDTC-01 ngày 23/01/2024; Ông Nguyễn Văn H và bà Trương Thị L thế chấp quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CI118924 do Sở tài nguyên và môi trường cấp ngày 09/3/2018 đối với thửa đất số 246, tờ bản đồ số 15, diện tích 53,85m^2, địa chỉ 2 L, phường E, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Các hợp đồng thế chấp nêu trên được thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 317, 318, 319 Bộ luật dân sự, được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm nên có giá trị pháp lý. Quá trình tố tụng, người đại diện theo uỷ quyền của ông H và bà L đều thống nhất trường hợp Công ty H3 không trả nợ hoặc trả không đủ cho Ngân hàng thì ông H, bà L đồng ý để Ngân hàng xử lý tài sản thế chấp này để thu hồi nợ.

Ngoài 02 Hợp đồng thế chấp trên, tại Hợp đồng bảo lãnh số ELOS-3139/23/SME/BLCN-01 ngày 27/6/2023 giữa Bên bảo lãnh ông Nguyễn Văn H với Bên nhận bảo lãnh Ngân hàng TMCP V Chi nhánh P, Bên được bảo lãnh là Công ty H3. Điều 2 của Hợp đồng có ghi:

"Bằng toàn bộ tài sản, uy tín và trách nhiệm của mình, Bên bảo lãnh cam kết và đồng ý bảo lãnh vô điều kiện, không huỷ ngang cho Bên được bảo lãnh trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ hiện tại và nghĩa vụ trong tương lai, bao gồm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi, các khoản phí, các khoản phạt, các khoản bồi thường thiệt hại, các khoản phải hoàn trả và tất cả các nghĩa vụ tài chính khác của Bên được bảo lãnh đối với Bên Ngân hàng phát sinh từ tất cả các Văn kiện tín dụng... được xác lập bởi Bên được bảo lãnh và/ hoặc được ký kết giữa Bên được bảo lãnh với Bên Ngân hàng và bên liên quan khác (nếu có). Các Văn kiện tín dụng theo Hợp đồng này bao gồm:

a) Hợp đồng cho vay số CLC-1718-01 ngày 27/6/2023

b) Thoả thuận khung về cấp tín dụng số CLC-01718/3501383/TTK ngày 27/6/2023

c) Các văn kiện tín dụng được ký trước, trong và sau ngày ký kết hợp đồng này."

Và Điều 3 của Hợp đồng bảo lãnh quy định:

"1. Bên bảo lãnh có nghĩa vụ thay Bên được bảo lãnh thực hiện toàn bộ nghĩa vụ của Bên được bảo lãnh đối với bên Ngân hàng như quy định tại khoản 1 Điều 2 Hợp đồng này một cách vô điều kiện và không huỷ ngang khi nghĩa vụ được bảo lãnh bị vi phạm theo một hoặc trong các căn cứ sau đây:

a) Do Bên được bảo lãnh không thực hiện hoặc thực hiện không đúng hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ theo các Văn kiện tín dụng đã ký kết, xác lập với bên Ngân hàng và bên liên quan khác (nếu có);"

Các điều khoản của Hợp đồng bảo lãnh phù hợp với quy định tại các Điều 335, 336, 339, 342 Bộ luật dân sự 2015 nên có giá trị thi hành với tất cả các bên. Trong trường hợp Bên được bảo lãnh là Công ty H3 không thực hiện đúng, không đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thì Bên bảo lãnh là ông Nguyễn Văn H phải tiếp tục thực hiện. Do đó Toà án cấp sơ thẩm quyết định: Trường hợp xử lý tài sản thế chấp nhưng không đủ để thanh toán nợ cho Ngân hàng V thì ông Nguyễn Văn H phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng theo nội dung Hợp đồng bảo lãnh là có căn cứ. Bị đơn kháng cáo đề nghị tuyên buộc bên bảo lãnh chỉ phải chịu giá trị tài sản trong phạm vi đã ký kết của hai bên đồng thời chỉ xử lý các tài sản thế chấp cho nghĩa vụ vay là không có cơ sở chấp nhận.

[2.4] Về án phí: Do sửa nghĩa vụ nợ nên cần xem xét lại án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm trên số tiền 5.228.136.890 đồng mà bị đơn phải chịu là 113.228.000 đồng.

Bị đơn không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

[3] Về chi phí tố tụng: Công ty H3 phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 2.000.000 đồng. Ngân hàng được nhận lại số tiền trên sau khi thu được của Công ty.

[4] Từ những phân tích và lập luận trên, xét thấy cần chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn, sửa bản án sơ thẩm về nghĩa vụ trả tiền lãi suất và án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ khoản 2 Điều 308, khoản 1 Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chấp nhận một phần kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Công ty TNHH H3 là ông Tô Tiến D1.

Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2025/KDTM-ST ngày 05/6/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hoà, tỉnh Đắk Lắk Phú Yên (nay là Toà án nhân dân khu vực 11 – Đắk Lắk) về nghĩa vụ trả tiền lãi suất và án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Áp dụng: Các Điều 100, 103 Luật các tổ chức tín dụng; Các điều 117, 118, 119, 292, 293, 295, 298, 317, 318, 319, 320, 322, 323, 335, 336, 339, 340, 342, Điều 463, 466 Bộ luật dân sự 2015; Điều 7, Điều 8, Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/1/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Điều 26, khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP V:

Buộc bị đơn Công ty TNHH H3 phải trả cho nguyên đơn số nợ tính đến ngày 05/6/2025 (ngày xét xử sơ thẩm) là 5.228.136.890 đồng, trong đó: nợ gốc là 4.462.852.500 đồng, nợ lãi là 761.718.609 đồng, lãi chậm trả là 3.565.781 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong số tiền trên, bị đơn Công ty TNHH H3 còn phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại các hợp đồng tín dụng.

Trường hợp bị đơn Công ty TNHH H3 không trả được nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp tài sản CLC-11879-3501383-HDTC-01 ngày 23/01/2024 và Hợp đồng thế chấp số CLC-11879-3501383-HDTC-02 ngày 30/01/2024 cùng các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).

Trường hợp xử lý tài sản thế chấp nhưng không đủ để thanh toán nợ cho Ngân hàng V thì ông Nguyễn Văn H là người bảo lãnh phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng theo nội dung Hợp đồng bảo lãnh số ELOS-3139/23/SME/BLCN-01 ngày 27/6/2023 đã ký kết giữa các bên.

2. Về chi phí tố tụng: Bị đơn Công ty TNHH H3 phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 2.000.000 đồng. Do nguyên đơn đã nộp tạm ứng nên Công ty TNHH H3 phải hoàn lại cho nguyên đơn số tiền 2.000.000 đồng.

3. Về án phí:

- Án phí sơ thẩm: Bị đơn Công ty TNHH H3 phải chịu 113.228.000 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

H1 lại cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP V số tiền 56.287.000 đồng tạm ứng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đã nộp tại Biên lai thu tiền số 0002773 ngày 01/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 11- Đắk Lắk).

- Án phí phúc thẩm: H1 lại cho Công ty TNHH H3 số tiền 2.000.000 đồng tạm ứng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đã nộp (do ông Tô Tiến D1 và bà Trương Thị H2 nộp thay) tại các Biên lai thu tiền số 0009076 ngày 17/7/2025 và 0009174 ngày 15/8/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

[2] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[3] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND khu vực 11;
- THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Đương sự;
- Cổng thông tin điện tử TA;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Trần Duy Phương